HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25 /2022/NQ-HĐND	*Đồng Tháp, ngày 09 tháng 12 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ và Tết Nguyên đán của tỉnh Đồng Tháp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân Tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ và Tết Nguyên đán của tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ và Tết Nguyên đán của tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng được thăm hỏi, tặng quà

a) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đang hưởng trợ cấp hằng tháng;

b) Bà mẹ Việt Nam anh hùng đang hưởng trợ cấp hằng tháng (*bao gồm trường hợp đã có quyết định phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng trước ngày 28 tháng 7 hằng năm nhưng chưa hoàn tất thủ tục hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng*);

c) Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến đang hưởng trợ cấp hằng tháng;

d) Thương binh (*bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993*), người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên đang hưởng trợ cấp hằng tháng;

đ) Thương binh (*bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993*), người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống đang hưởng trợ cấp hằng tháng; thương binh đang hưởng trợ cấp mất sức lao động;

e) Bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên đang hưởng trợ cấp hằng tháng;

g) Bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống đang hưởng trợ cấp hằng tháng;

h) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên đang hưởng trợ cấp hằng tháng;

i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống đang hưởng trợ cấp hằng tháng;

k) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày đang hưởng trợ cấp hằng tháng;

l) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế hiện còn sống;

m) Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng;

n) Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hằng tháng;

o) Người có công giúp đỡ cách mạng thuộc đối tượng hưởng trợ cấp một lần (*là người đã có thành tích giúp đỡ cách mạng trong lúc khó khăn, nguy hiểm và được Nhà nước khen tặng thuộc trường hợp: người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Huy chương Kháng chiến*) hiện còn sống;

p) Thân nhân của hai liệt sĩ trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng;

q) Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng;

r) Đại diện thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng;

s) Người đang hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (*gia đình người có công*);

t) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị dị dạng, dị tật đang hưởng trợ cấp hằng tháng.

u) Thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên của tỉnh đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công;

v) Đại diện thân nhân của Thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên của tỉnh được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công nhưng đã từ trần.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí để thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng của tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Nguyên tắc chi trả

1. Mỗi một liệt sĩ thì đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người đang hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ được nhận một suất quà nhân dịp ngày lễ, tết.

2. Trường hợp trong cùng một dịp lễ, tết mà đối tượng thuộc từ hai (02) nhóm đối tượng được thăm hỏi, tặng quà trở lên (*trừ các đối tượng được nhận quà quy định tại khoản 1 Điều này*) từ nguồn ngân sách địa phương thì chỉ được nhận một suất quà có giá trị cao nhất.

3. Hằng năm, vào ngày Thương binh - Liệt sĩ, ngân sách cấp tỉnh thực hiện chi thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng quy định tại khoản 2, 5, 6 Điều 4 Nghị quyết này; ngân sách huyện, thành phố thực hiện chi thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng còn lại. Đối với ngày Tết Nguyên đán, ngân sách cấp tỉnh thực hiện chi thăm hỏi, tặng quà cho đối tượng quy định tại điểm v khoản 1 Điều 2 và khoản 5, 6 Điều 4 Nghị quyết này; đối với các đối tượng còn lại, ngân sách cấp tỉnh chi 50% kinh phí thực hiện, ngân sách huyện, thành phố chi 50% kinh phí còn lại.

4. Đối với kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ theo định kỳ 05 (*năm*) năm *(Ví dụ: nhân kỷ niệm 80 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ, 85 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ , 90 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ,...*), các đối tượng theo quy định tại điểm a, c, k, l, m, n, o, t khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được chi thăm hỏi, tặng quà theo mức thăm hỏi, tặng quà tương ứng với từng đối tượng nhân ngày Tết Nguyên đán hằng năm.

Điều 4. Nội dung và mức chi

1. Đối tượng quy định tại điểm a, c, m khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán hằng năm: 1.000.000 đồng/người.

2. Đối tượng quy định tại điểm b, d, e, h, p, q, v khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được thăm hỏi, tặng quà nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ và Tết Nguyên đán hằng năm như sau:

a) Ngày Thương binh - Liệt sĩ: 1.000.000 đồng/người.

b) Tết Nguyên đán: 1.000.000 đồng/người.

3. Đối tượng quy định tại điểm đ, g, i, r, s khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được thăm hỏi, tặng quà nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ và Tết Nguyên đán hằng năm như sau:

a) Ngày Thương binh - Liệt sĩ: 500.000 đồng/người

b) Tết Nguyên đán: 500.000 đồng/người.

4. Đối tượng quy định tại điểm k, l, n, o, t khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán hằng năm: 500.000 đồng/người.

5. Đối tượng quy định tại điểm u khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được thăm hỏi, tặng quà nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ và Tết Nguyên đán hằng năm như sau:

a) Ngày Thương binh - Liệt sĩ: 2.000.000 đồng/người.

b) Tết Nguyên đán: 2.000.000 đồng/người.

6. Trường hợp, các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, là tấm gương điển hình trong công tác, học tập, lao động, vượt khó vươn lên do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố lựa chọn được lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân Tỉnh tới thăm hỏi, tặng quà nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ (*ngày 27 tháng 7*) và Tết Nguyên đán hằng năm như sau:

a) Ngày Thương binh - Liệt sĩ: 2.000.000 đồng/người.

b) Tết Nguyên đán: 3.000.000 đồng/người (*trong đó: tiền mặt 2.000.000 đồng, phần quà bằng hiện vật trị giá 1.000.000 đồng*).

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Nguồn Quỹ đền ơn đáp nghĩa.

3. Nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp (nếu có).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân Tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khoá X, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH Tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Phan Văn Thắng